

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội

Tháng 6 và 6 tháng năm 2024 - Tỉnh Yên Bái

Thực hiện Công văn số 2029/UBND-TKTH ngày 13/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, tình hình kinh tế xã hội tháng 6 và Quý II năm 2024. Cục Thống kê báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái tháng 6 và Quý II năm 2024 như sau:

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh

Dự ước tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2024 đạt 10.876,5 tỷ đồng theo giá so sánh 2010, tăng 5,36% so cùng kỳ. Tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2024 đạt thấp so với kịch bản chủ yếu do khu vực công nghiệp - xây dựng đạt thấp, nhưng lại tăng trưởng cao hơn mức tăng của 6 tháng đầu năm 2023 là 0,14 điểm phần trăm. Như vậy GRDP 6 tháng đầu năm tăng 5,36% là mức tăng trưởng khá, khẳng định sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng. Trong mức tăng chung của kinh tế toàn tỉnh 6 tháng đầu năm:

- Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.743,6 tỷ đồng, tăng 5,10% (cùng kỳ tăng 5,78%); đóng góp 1,29 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

- Khu vực Công nghiệp-xây dựng đạt 3.071,8 tỷ đồng, tăng 4,31% (cùng kỳ tăng 4,21%); đóng góp 1,23 điểm phần trăm. Trong khu vực Công nghiệp-xây dựng thì Công nghiệp tăng 2,47%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm; xây dựng tăng 7,69%, đóng góp 0,77 điểm phần trăm.

- Khu vực Dịch vụ đóng vai trò động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế đạt 4.589,9 tỷ đồng, tăng 6,29% (cùng kỳ tăng 5,54%), đóng góp 2,63 điểm phần trăm, đây là khu vực có đóng góp lớn nhất trong các khu vực kinh tế. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 471.135 triệu đồng, tăng 4,91% (cùng kỳ tăng 6,25%), đóng góp 0,21 điểm phần trăm.

Biểu 01: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh 6 tháng đầu năm 2024:

	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)			Đóng góp của các khu vực vào tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2024 (điểm phần trăm)
	Sơ bộ quý I năm 2024	Ước tính quý II năm 2024	Ước tính 6 tháng đầu năm 2024	
Tổng số	5,25	5,46	5,36	5,36
1. Nông, lâm nghiệp và TS	6,44	4,16	5,10	1,29
2. Công nghiệp và XD	3,12	5,28	4,31	1,23
<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>1,49</i>	<i>3,38</i>	<i>2,47</i>	<i>0,46</i>
3. Dịch vụ	6,04	6,53	6,29	2,63
4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	4,68	5,13	4,91	0,21

Về cơ cấu kinh tế: Tổng GRDP theo giá hiện hành đạt 21.855,5 tỷ đồng trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5.278,5 tỷ đồng, chiếm 24,15% (cùng kỳ năm 2023 là 24,03%); khu vực Công nghiệp - xây dựng đạt 6.263,7 tỷ đồng, chiếm 28,66% (cùng kỳ năm 2023 là 29,54%); khu vực Dịch vụ đạt 9.370,6 tỷ đồng, chiếm 42,88% (cùng kỳ năm 2023 là 42,10%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 942,8 tỷ đồng, chiếm 4,31% (cùng kỳ năm 2022 là 4,33%). Như vậy cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng ở khu vực Dịch vụ và Nông, lâm nghiệp, thủy sản; giảm ở khu vực Công nghiệp - xây dựng.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sáu tháng đầu năm 2024, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; các cây trồng vụ Đông Xuân được chăm sóc, bảo vệ tốt bắt đầu cho thu hoạch để giải phóng đất sản xuất vụ Mùa; tiến độ chuẩn bị giống, gieo mạ, làm đất gieo cấy lúa Mùa sớm vùng cao được triển khai đảm bảo đúng khung thời vụ; công tác chuẩn bị giống cây lâm nghiệp và tiến độ trồng rừng mới thực hiện tốt; công tác phòng chống cháy rừng được tích cực thực hiện; công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được triển khai quyết liệt, các sản phẩm chăn nuôi đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; công tác vệ sinh ATTP được tăng cường đảm bảo trên địa bàn tỉnh; công tác phòng chống thiên tai được thực hiện tốt, đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất và kế hoạch đề ra. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, các đợt mưa dông đã gây ra thiệt hại ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân.

2.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt: Trong tháng, các địa phương đang tập trung chăm sóc và thu hoạch cây trồng vụ Xuân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ làm đất và gieo trồng lúa, ngô mùa sớm ở vùng cao.

** Tiến độ sản xuất vụ Mùa đến ngày 15/6/2024*

Lúa Mùa: Diện tích đã làm đất 11.595 ha, đạt 52,83%. Diện tích gieo mạ quy diện tích cây 11.694 ha, đạt 53,29%. Diện tích lúa đã cấy 4.573 ha¹, đạt 20,84% KH.

Cây hàng năm khác: Diện tích ngô đã trồng 90 ha, đạt 1,02% KH vụ Mùa. Khoai lang: diện tích trồng 85 ha, đạt 8,39% KH. Cây lạc: diện tích trồng 100 ha. Rau các loại: diện tích gieo trồng là 128,9 ha, đạt 4,27% KH.

Cây lâu năm: Diện tích chè trồng mới 207 ha, đạt 108,74% KH.

** Kết quả sơ bộ vụ Đông Xuân năm 2024:*

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng lúa sơ bộ vụ Đông Xuân đạt 19.416,64 ha, giảm 0,46% so với cùng kỳ. Diện tích lúa giảm chủ yếu ở huyện Trấn Yên, Lục Yên, Nghĩa Lộ do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, các công trình quy hoạch đang tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng; tại huyện Văn Yên do diện tích ruộng của xã Yên Phú không có nước chuyển sang trồng ngô. Bên cạnh đó, diện tích lúa tăng ở huyện Yên Bình do một số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới đã được đầu tư sửa chữa kênh mương nội đồng tăng diện tích tưới tiêu từ 1 vụ lên 2 vụ và người dân tận dụng được diện tích dưới cos hồ Thác Bà để cấy lúa dưới Cos.

Tính đến ngày 15/6/2024, diện tích lúa Đông xuân đã thu hoạch 15.067,6 ha, bằng 77,60% diện tích lúa cấy. Sơ bộ vụ Đông xuân năng suất lúa đạt 56,48 tạ/ha, tăng 0,44% so với cùng kỳ, dự kiến sản lượng đạt 109.668,6 tấn, giảm 0,02% so với cùng kỳ, tăng 3,27% so với kế hoạch năm 2024.

- Cây ngô: Diện tích trồng ngô sơ bộ vụ Đông Xuân đạt 19.869,33 ha, giảm 1,01% so với cùng kỳ. Diện tích cây ngô vụ Đông Xuân 2024 giảm chủ yếu tại các địa phương như huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải, thị xã Nghĩa Lộ, TP Yên Bái. Nguyên nhân giảm là do diện tích ngô tại các huyện bị thu hồi để làm đường và các công trình công cộng, một số địa phương người dân chuyển đổi diện tích trồng ngô sang trồng các loại cây rau màu khác. Bên cạnh đó, một số huyện tăng diện tích trồng ngô như ở huyện Văn Yên, Trấn Yên do thiếu nước trồng lúa chuyển sang trồng ngô; Lục Yên tận dụng được diện tích dưới cos.

Tính đến ngày 15/6/2024, diện tích Ngô Đông Xuân đã thu hoạch 7.589 ha, bằng 38,19% diện tích gieo trồng. Do áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật

¹ Thị xã Nghĩa Lộ 1.600 ha, huyện Văn Yên 118 ha, huyện Mù Cang Chải 2.500 ha, huyện Trấn Yên 10ha, huyện Văn Chấn 275 ha, huyện Yên Bình 70 ha.

cũng như người dân sử dụng giống ngô có năng suất cao nên sản lượng ngô sơ bộ đạt 74.863,11 tấn, tăng 0,51% so với cùng kỳ và vượt 1,56% kế hoạch.

- Cây trồng khác:

Cây lấy củ có chất bột: Diện tích gieo trồng sơ bộ vụ Đông Xuân đạt 2.226,49 ha, tăng 0,91% so với cùng kỳ. Sản lượng sơ bộ đạt 13.160,11 tấn, tăng 0,91% so với cùng kỳ, trong đó: Khoai lang sơ bộ đạt 12.660,77 tấn, tăng 1,75% so với cùng kỳ; khoai sọ sơ bộ đạt 63,96 tấn; khoai tây sơ bộ đạt 435,38 tấn.

Cây lấy hạt chứa dầu: Diện tích gieo trồng sơ bộ vụ Đông Xuân đạt 1.365,18 ha, giảm 1,23% so cùng kỳ, sản lượng sơ bộ đạt 2.612,28 tấn, giảm 0,35% so với cùng kỳ, trong đó: Đậu tương sơ bộ vụ Đông Xuân đạt 32,26 tấn, giảm 9,13% so với cùng kỳ; lạc vụ Đông Xuân sơ bộ đạt 2.574,09 tấn, giảm 0,22% so với cùng kỳ; vừng vụ Đông Xuân sơ bộ đạt 5,93 tấn, giảm 4,05% so với năm 2023.

Rau các loại sơ bộ đạt 8.056,20 ha, tăng 1,21% so với cùng kỳ. Diện tích tăng chủ yếu ở huyện Văn Chấn, Trạm Tấu, Trấn Yên do chuyển đổi giống cây trồng, người dân đã chú trọng vào việc tăng diện tích và đa dạng các loại rau để cung ứng cho thị trường. Ngoài ra ở huyện Mù Cang Chải mở rộng quy mô sản xuất nấm hương có năng suất và giá thành cao. Sản lượng sơ bộ rau các loại đạt 99.692,49 tấn, tăng 2,24% so với cùng kỳ.

** Kết quả ước thực hiện 6 tháng cây lâu năm:*

Tổng diện tích hiện có ước tính đạt 21.319.39 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,07%, diện tích tăng chủ yếu ở cây ăn quả, cây dược liệu và các cây lâu năm khác.

Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả các loại ước đạt 10.027,7 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,11%, diện tích tăng ở một số cây ăn quả có diện tích lớn như: Chuối tăng 0,9%; Hồng tăng 3,15%; Chanh tăng 6,81%; Bưởi tăng 3,37%, Đào tăng 18,19%, mắ ca tăng 7,01%... Nguyên nhân tăng là do một số diện tích cây hồng, bưởi, chanh, đào trên địa bàn một số huyện thực hiện đề án triển khai trồng cây ăn quả có múi, những tháng đầu năm bà con nhân dân đã kết hợp với trung tâm dịch vụ giống cây trồng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của các huyện trồng mới thêm nhiều diện tích cây ăn quả có múi, đồng thời phá bỏ những cây bị bệnh, cần cỗi. Diện tích mắ ca tăng do huyện Văn Chấn đang trong giai đoạn thực hiện đề án trồng Mắ ca xen lẫn cây chè. Dự ước sản lượng cây ăn quả thu hoạch ước 6 tháng đầu năm 2024 đạt 16.378,1 tấn so với cùng kỳ tăng 3,31%, sản lượng tăng chủ yếu ở xoài (tăng 12,2 tấn), Chuối (tăng 86,8 tấn). Thanh long (tăng 18,44 tấn), Ổi (tăng 19,62 tấn), Cam (tăng 394,55 tấn).

Cây cao su: Diện tích hiện có ước đạt 2.266,7 ha, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước. Hiện tại diện tích cao su đang trong giai đoạn chăm sóc và bắt đầu

cho thu sản phẩm, tuy nhiên sản lượng còn thấp, ước tính 6 tháng đầu năm đạt khoảng 90 tấn cao su khô.

Cây chè: Diện tích hiện có ước đạt 7.426,02 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,2% (tăng 14,65 ha). Dự ước sản lượng chè búp trong 6 tháng đầu năm ước đạt 34.725,85 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,95%.

* *Thiệt hại thiên tai*²: Trong tháng, có các đợt hạn hán thiếu nước, mưa bão làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông nghiệp

Đợt 1: Mưa to kéo dài đêm và rạng sáng ngày 16/5/2024 trên địa bàn huyện Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên gây thiệt hại 7,91 ha tại huyện Trấn Yên (3,64 ha lúa; 4,27 ha ngô, rau màu); 2,02 ha lúa lai bị đổ tại huyện Yên Bình.

Đợt 2: Mưa to kèm dông lốc đêm ngày 30/5 rạng sáng 31/5/2024 trên địa bàn huyện Văn Yên và Văn Chấn gây thiệt hại 4,5 ha (03 ha lúa tại Văn Yên; 0,5 ha lúa tại Văn Chấn; 01 ha ngô, rau màu tại huyện Văn Yên).

Đợt 3: mưa to kèm theo dông lốc đêm ngày 04/6 đến ngày 05/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 19 giờ ngày 05/6/2024) làm ảnh hưởng, thiệt hại 29,5 ha lúa, rau màu (14 ha lúa tại Văn Chấn; 5 ha lúa tại Lục Yên; 1,5 ha ngô, rau màu tại Trấn Yên; 02 ha ngô, rau màu tại huyện Văn Yên; 01 ha ngô, rau màu tại Văn Chấn; 05 ha ngô, rau màu tại huyện Lục Yên); 01 ha cây công nghiệp ngắn ngày tại Văn Yên (dâu tằm).

Đợt 4: Mưa to đêm ngày 09/6 rạng sáng 10/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 15 giờ ngày 10/6/2024) gây thiệt hại 02 ha lúa tại huyện Văn Yên.

b. Chăn nuôi – Thú y

* *Tình hình sản xuất:*

- Dự ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính tháng 6 năm 2024 đạt 5.792,37 tấn, tăng 9,43%; Tính chung 6 tháng đạt 35.882,37 tấn, tăng 5,80% so với cùng kỳ, trong đó:

Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng tháng 6 đạt 324,05 tấn, tăng 5,02% so cùng kỳ; Tính chung 6 tháng đạt 2.130,05 tấn, tăng 4,03% so với cùng kỳ.

Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng tháng 6 đạt 125,98 tấn, tăng 4,83% so cùng kỳ; Tính chung 6 tháng đạt 739,98 tấn, tăng 4,83%.

Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng tháng 6 đạt 5.342,34 tấn, tăng 9,83% so cùng kỳ; Tính chung 6 tháng đạt 33.012,34 tấn, tăng 5,94% so với cùng kỳ.

- Dự ước sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng tháng 6 năm 2024 đạt 1.317,42 tấn, giảm 3,09% so với cùng kỳ; cộng dồn 6 tháng đạt 8.967,42 tấn,

² Theo báo cáo tiến độ của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Yên Bái

tăng 2,38% so với cùng kỳ. Sản lượng trứng đạt 6.002,32 nghìn quả, giảm 16,78%; cộng dồn 6 tháng đạt 40.782,32 nghìn quả, giảm 4,2% so với cùng kỳ.

** Tình hình dịch bệnh*

Trong tháng, Dịch tả lợn Châu phi và dịch Lở mồm long móng tiếp tục phát sinh trên địa bàn huyện Trạm Tấu và Lục Yên, cụ thể như sau:

Dịch lở mồm long móng: Phát sinh thêm 09 con gia súc mắc bệnh (06 con trâu, 03 con bò) của 07 hộ, thuộc 02 thôn Tổng Trong, Tổng Ngoài, xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu. Tổng số chết và tiêu hủy là 06 con trâu, tổng khối lượng tiêu hủy là 1.069 kg. Lũy kế đến ngày 13/6/2024 dịch bệnh xảy ra tại 47 hộ, thuộc 02 thôn Tổng Trong, Tổng Ngoài của xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu. Tổng số gia súc mắc bệnh là 104 con (68 con trâu, 24 con bò, 12 con lợn); số trâu bò tiêu hủy là 16 con (10 con trâu, 06 con bò), tổng khối lượng tiêu hủy 2.788 kg.

Dịch tả lợn Châu phi: Phát sinh thêm 181 con lợn mắc bệnh tại 81 hộ thuộc 07 thôn của xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên. Tổng số lợn chết, tiêu hủy là 181 con với tổng khối lượng là 7.922 kg. Lũy kế đến ngày 13/6/2024 dịch xảy ra tại 56 hộ, thuộc 08 thôn của xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên tổng số lợn mắc bệnh là 187 con, số lợn tiêu hủy là 187 con với tổng khối lượng là 8.596 kg.

** Công tác thú y*

Kiểm dịch vận chuyển xuất ra ngoài tỉnh từ ngày 17/5/2024 đến ngày 14/6/2024 được 296 chuyến³ với 108.911 gia súc, gia cầm; 2 chuyến với 13.640 kg chân gà và 14 chuyến với 473.000 quả trứng giống. Kiểm tra, kiểm soát động vật nhập vào địa bàn được 10 chuyến⁴ với 2.400 con gia súc, gia cầm.

Giá lợn hơi tháng 6/2024 ở mức 64.000- 68.000 đồng/kg; Giá sản phẩm thịt lợn duy trì ở mức 105.000 – 115.000 đồng/kg thịt mỡ sấn.

** Thiệt hại thiên tai:* Trong tháng có các đợt mưa bão làm ảnh hưởng đến sản xuất chăn nuôi như sau:

Đợt 1: Mưa to kéo dài đêm và rạng sáng ngày 16/5/2024 trên địa bàn huyện Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên gây thiệt hại 80 con gia cầm bị chết tại xã Kiên Thành, huyện Trấn Yên; 120 con gà từ 40 ngày tuổi trở lên của 02 hộ gia đình thôn Đoàn Kết, xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình bị thiệt hại.

Đợt 2: Mưa to kèm dông lốc đêm ngày 30/5 rạng sáng 31/5/2024 trên địa bàn huyện Văn Yên và Văn Chấn gây thiệt hại 2 con trâu bị chết tại huyện Văn Chấn.

³ Trong đó: 17 chuyến/294 con trâu bò giết mổ, 1 chuyến/18 con bò chăn nuôi thương phẩm, 77 chuyến/4.245 con lợn giết mổ, 125 chuyến/29.258 con lợn chăn nuôi thương phẩm, lợn giống, 37 chuyến/53.850 con gia cầm giết mổ, 33 chuyến/21.150 thỏ chăn nuôi, 6 chuyến/96 con ngựa chăn nuôi.

⁴ Trong đó: 2 chuyến/35 con bò chăn nuôi thương phẩm, 7 chuyến/2.290 con lợn chăn nuôi, 1 chuyến/75 con lợn giống.

Đợt 3: mưa to kèm theo dông lốc đêm ngày 04/6 đến ngày 05/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 19 giờ ngày 05/6/2024) làm ảnh hưởng, thiệt hại 02 con trâu bị chết (01 con tại Văn Chấn; 01 con tại Văn Yên)

Đợt 4: Mưa to đêm ngày 09/6 rạng sáng 10/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 15 giờ ngày 10/6/2024) gây thiệt hại 01 con trâu và 03 con bò tại huyện Văn Yên.

2.2. Sản xuất lâm nghiệp

* Diện tích rừng trồng mới tập trung lũy kế 6 tháng 2024 đạt 8.636,1 ha bằng 90,30% so với cùng kỳ. Trồng cây phân tán lũy kế đạt 4.985,0 nghìn cây, tăng 5,10% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng gỗ khai thác tháng 6/2024 ước đạt: 55.996 m³, cộng dồn 6 tháng đạt 457.726 m³, tăng 12,01% so cùng kỳ năm trước. Sản lượng củi khai thác trong tháng đạt 94.634 ste, giảm 30,82% so với cùng kỳ, cộng dồn 6 tháng năm 2024 ước đạt 442.950 ste, giảm 14,09% so cùng kỳ năm trước.

* *Thiệt hại thiên tai*⁵: Trong tháng có các đợt mưa bão làm ảnh hưởng đến sản xuất lâm nghiệp như sau:

Đợt 1: Mưa to kèm dông lốc đêm ngày 30/5 rạng sáng 31/5/2024 trên địa bàn huyện Văn Yên và Văn Chấn gây thiệt hại 0,5 ha quế tại huyện Văn Yên.

Đợt 2: Mưa to đêm ngày 09/6 rạng sáng 10/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 15 giờ ngày 10/6/2024) gây thiệt hại 0,5 ha cây lâm nghiệp tại huyện Văn Yên.

2.3. Thủy sản

* Tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 1.139,63 tấn, tăng 4,12% so với cùng kỳ; trong đó: Sản lượng cá ước đạt 1.127,81 tấn, tăng 4,16% so với cùng kỳ; sản lượng Tôm đạt 8,66 tấn, giảm 1,37% so với cùng kỳ; Thủy sản khác đạt 3,16 tấn, tăng 6,04% so cùng kỳ. Dự ước 6 tháng năm 2024 sản lượng thủy sản đạt 7.033,63 tấn, tăng 3,92% so với cùng kỳ, trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 537,21 tấn, giảm 8,12% so cùng kỳ.

* *Thiệt hại thiên tai*:

Đợt 1: mưa to kèm theo dông lốc đêm ngày 04/6 đến ngày 05/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 19 giờ ngày 05/6/2024) làm ảnh hưởng, thiệt hại 8,53 ha diện tích nuôi trồng thủy sản (03 ha tại Trấn Yên; 03 ha tại Văn Chấn; 0,03 ha tại Lục Yên; 2,5 ha tại Văn Yên).

Đợt 2: Mưa to đêm ngày 09/6 rạng sáng 10/6/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (tính đến 15 giờ ngày 10/6/2024) gây thiệt hại 03 ha diện tích nuôi trồng thủy sản tại huyện Văn Yên.

⁵ Theo báo cáo tiến độ của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Yên Bái

3. Sản xuất công nghiệp

* Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP):

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 6/2024 ước tính tăng 1,58% so với tháng trước, tăng 14,88% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể.

Biểu 02: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6 qua các năm (2022 đến 2024) so với cùng kỳ (%)

	2022	2023	2024
Toàn ngành	115,0	103,39	114,88
Khai khoáng	80,87	95,87	66,13
Chế biến, chế tạo	115,99	123,76	111,44
Sản xuất và phân phối điện	133,72	56,59	169,58
Cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	129,36	107,31	101,11

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 9,23% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành công nghiệp, ngành khai khoáng giảm 32,01%, làm giảm 3,83 điểm phần trăm mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 15,12%, đóng góp 12,96 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 0,26%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 3,69%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm.

Trong 18 ngành công nghiệp cấp 2, có 10/18 ngành có chỉ số sản xuất cộng dồn đến cuối tháng 6/2024 tăng so với cùng kỳ như: Chế biến thực phẩm tăng 3,82%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 16,15%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 6,24%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 1,13 lần⁶; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 9,21%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 9,76%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 43,19%⁷; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,26%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 1,99%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu tăng 5,86%,...

Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ như: Khai thác quặng kim loại giảm 77,24%; khai khoáng khác giảm 9,88%; sản xuất trang phục giảm 8,45%; In, sao chép bản ghi các loại giảm 23,73%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 13,49%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 10,6%; sản xuất kim loại giảm 2,96%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt và thiết bị giảm 3,18%;...

⁶ Cty CP Nhựa Châu Âu có đơn hàng mới, xuất khẩu tăng

⁷ Một số DN tăng quy mô sản xuất do ký được đơn hàng mới (Cty TNHH ngành gỗ Thiên An, Cty TNHH sản xuất và đầu tư Lâm Phong, Cty TNHH tủ bếp Cao Tiếp Việt Nam; Cty TNHH công nghiệp Sunwell Việt Nam;...)

Biểu 03. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 6 tháng qua các năm (2022 đến 2024) của một số ngành công nghiệp trọng điểm so cùng kỳ năm trước (%)

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Khai thác quặng kim loại	-28,27	20,17	-77,24
Chế biến thực phẩm	-19,81	0,41	3,82
Sản xuất trang phục	35,63	3,79	-8,45
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	33,69	-4,93	16,15
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-5,01	9,70	6,24
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	27,39	-5,24	-10,60
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	9,65	20,55	9,21
Sản xuất kim loại	-49,98	-34,59	-2,96
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	30,72	16,02	43,19
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước,...	31,23	-22,79	0,26
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	8,59	6,49	1,99

* **Sản phẩm công nghiệp:** Một số sản phẩm chính có chỉ số sản xuất tháng 6/2024 tăng cao so với cùng kỳ là: Vỏ bào, dăm gỗ tăng 5,52 lần; gỗ dán tăng 24,38%; gỗ lạng tăng 26,25 lần; bao bì và túi bằng giấy tăng 37,24%; sản phẩm in khác tăng 18,23%; dược phẩm khác chưa phân vào đâu tăng 44,96%; xi măng tăng 16,34%; thanh, que bằng thép hợp kim nhôm tăng 2,02 lần; dịch vụ sản xuất cấu kiện kim loại tăng 1,71 lần; tủ bếp tăng 13,98%; điện sản xuất tăng 87,51%;... Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm mạnh so với cùng kỳ như: Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết giảm 56,86%; quặng chì giảm 58,74%; đá phiến giảm 31,36%; chè giảm 35,65%; bộ quần áo các loại giảm 53,56%; ván ép giảm 34,29%; sản phẩm còn lại của ngành công nghiệp hoá chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan chưa phân vào đâu giảm 34,54%; bê tông trộn sẵn giảm 18,37%; tủ bằng gỗ khác giảm 69,3%;...

Tính chung đến cuối tháng 6/2024 một số sản phẩm chính có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ là: Tinh bột sắn tăng 23,63%; bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket tăng 83,04%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 92,94%; gỗ dán tăng 58,41%; gỗ lạng tăng 2,63 lần; bao bì bằng giấy tăng 16,92%; sản phẩm in khác tăng 21,5%; sản phẩm bằng plastic còn lại chưa phân vào đâu tăng 1,13 lần; các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác chưa được phân vào đâu tăng 20,6%; dịch vụ sản xuất cấu kiện bằng kim loại tăng 6,83 lần; tủ bếp tăng 79,42%; điện thương phẩm tăng 9,99%;... Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm mạnh so với cùng kỳ như: Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết giảm 77,42%; quặng chì và tinh quặng chì giảm 65,48%; chè giảm 19,35%; quần áo lót giảm 34,91%; ván ép giảm 20,65%; sản phẩm còn lại của ngành công nghiệp hoá chất giảm 14,67%; các loại đá lát, đá lát lề đường và

phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến) giảm 12,48%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên hay nhân tạo giảm 24,17%;...

*** Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:**

Tháng 6/2024 có mức tiêu thụ tăng 4,81% so với tháng trước, trong đó, một số sản phẩm tăng cao như: Tinh bột sắn tăng 1,19 lần; chè tăng 1,67 lần; ván ép tăng 18,49%; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu tăng 12,96%;... Các sản phẩm có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là: Giấy làm vàng mã giảm 8,86%; các loại đá lát, đá lát lè đường giảm 13,15%;...

Tính chung chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng năm 2024 giảm 7,47% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó: Một số sản phẩm có chỉ số tiêu thụ tăng là: Vỏ bào, dăm gỗ tăng 92,94%; gỗ lạng tăng 1,1 lần; bao bì và túi bằng giấy tăng 18,05%; giấy làm vàng mã tăng 20,54%;... Các sản phẩm có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là: Tinh bột sắn giảm 39,45%; chè giảm 32,52%; bộ quần áo các loại giảm 36,99%; dược phẩm khác chưa phân vào đâu giảm 9,33%; các loại đá lát, đá lát lè đường giảm 10,96%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên giảm 32,7%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại giảm 9,2%;...

*** Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:** Tháng 6/2024 chỉ số tồn kho giảm 3,27% so với tháng trước, tăng 30,37% so với cùng kỳ, một số sản phẩm có mức tồn kho tăng cao so với tháng cùng kỳ là: Tinh bột sắn tăng 3,41 lần; bao bì và túi bằng giấy tăng 25,18%; sơn và vec ni tăng 37,5%; dược phẩm khác tăng 32,18%; xi măng tăng 33,21%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên tăng 1,46 lần. Các ngành có mức tồn kho giảm như: Chè giảm 69,79%; gỗ lạng giảm 19,11%; ván ép giảm 57,64%; giấy làm vàng mã giảm 93,83%;...

*** Chỉ số sử dụng lao động:**

Tháng 6/2024 chỉ số sử dụng lao động tăng 0,81% so tháng trước, tăng 6,84% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, tăng mạnh nhất ở ngành công nghiệp chế biến chế tạo (tăng 11,6%). Chia theo loại hình thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhiều nhất (tăng 18,38%).

Tính chung 6 tháng đầu năm số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 5,94% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 30,19%; ngành chế biến, chế tạo tăng 16,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,07%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,87% so với cùng kỳ năm trước.

Chia theo loại hình doanh nghiệp lao động doanh nghiệp nhà nước tăng 0,22%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 11,0%; doanh nghiệp FDI tăng 14,69%.

*** Tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế biến, chế tạo:** Tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2024 so với quý trước, có 30,0% doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh tốt lên, 56,67% doanh nghiệp giữ nguyên và 13,33% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn. Dự báo quý III/2024 kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến chế tạo tốt hơn so với quý I/2024, cụ thể: có tới 50,0% doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh tốt lên, 41,67% doanh nghiệp giữ nguyên và 8,33% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn.

4. Thương mại, vận tải

Quý II/2024 là quý có kỳ nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5, trong quý có nhiều ngày nghỉ lễ dài nên diễn biến thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Yên Bái khá sôi động, hàng hóa phục vụ phong phú, chất lượng bảo đảm. Hệ thống mạng lưới bán lẻ cũng được mở rộng từ trung tâm thành phố đến các xã vùng sâu, vùng xa; các đơn vị kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh đã có kế hoạch nghiên cứu diễn biến trên thị trường, chủ động xây dựng phương án kinh doanh, tập trung nguồn hàng phục vụ kịp thời nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống

Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 6 năm 2024 đạt 2.426,9 tỷ đồng⁸, tăng 1,77% so với tháng trước, tăng 12,94% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 14.173,3 tỷ đồng, tăng 9,97% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 11.775,5 tỷ đồng, chiếm 83,08% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 9,09% so cùng kỳ; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 1.245,9 tỷ đồng, chiếm 8,79%, tăng 17,47% so cùng kỳ; Dịch vụ khác ước đạt 1.151,9 tỷ đồng, chiếm 8,13%, tăng 11,45% so cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

*** Tổng mức bán lẻ hàng hóa**

Tổng mức bán lẻ trên địa bàn tỉnh tháng 6/2024 ước đạt 2.001,6 tỷ đồng, tăng 1,43% so tháng trước, tăng 11,85% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 11.775,5 tỷ đồng, tăng 9,09% so năm trước. Trong đó: ô tô các loại đạt 1.596,4 tỷ đồng, giảm 2,31% so năm trước (Do tâm lý của người mua xe đang chờ Chính phủ dự kiến sẽ giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô lắp ráp trong nước từ ngày 1/7/2024

⁸ Trong đó: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.001,6 tỷ đồng, chiếm 82,47% trong tổng số tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 217,4 tỷ đồng, chiếm 8,96% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ khác ước đạt 207,9 tỷ đồng, chiếm 8,57% trong tổng số tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

đến ngày 31/12/2024). Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) đạt 320,4 tỷ đồng, tăng 1,02% so năm trước; lương thực, thực phẩm đạt 3.288,1 tỷ đồng, tăng 18,42% so năm trước; hàng may mặc đạt 741,7 tỷ đồng, tăng 9,41% so năm trước; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 1.511,3 tỷ đồng, tăng 9,28% so năm trước; vật phẩm văn hóa giáo dục đạt 157,7 tỷ đồng, tăng 3,17% so năm trước; gỗ và vật liệu xây dựng đạt 1.563,2 tỷ đồng, tăng 9,35% so năm trước; xăng dầu các loại đạt 1.218,3 tỷ đồng, tăng 8,52% so năm trước; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) đạt 482,9 tỷ đồng, tăng 4,6% so năm trước; đá quý, kim loại quý và sản phẩm ước đạt 174,9 tỷ đồng, tăng 8,83% so năm trước; hàng hóa khác đạt 362,5 tỷ đồng, tăng 6,98% so năm trước; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 358,2 tỷ đồng, tăng 5,74% so năm trước.

** Doanh thu hoạt động dịch vụ*

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 6/2024 ước đạt 207,9 tỷ đồng, tăng 4,82% so tháng trước, tăng 18,16% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 Doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 1.151,9 tỷ đồng, tăng 11,45% so năm trước. Trong đó: So cùng kỳ năm trước doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 80,9 tỷ đồng, tăng 5,1%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 160,2 tỷ đồng, tăng 8,11%; giáo dục và đào tạo đạt 26,4 tỷ đồng, tăng 8,86%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 157,1 tỷ đồng, tăng 14,19%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí đạt 164,1 tỷ đồng, tăng 10,53%; dịch vụ khác đạt 563,1 tỷ đồng, tăng 13,06% so cùng kỳ năm trước.

** Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành*

Dự ước doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 6/2024 đạt 217,4 tỷ đồng, tăng 2,04% so tháng trước, tăng 18,49% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng năm 2024 doanh thu lưu trú, ăn uống, lữ đạt 1.245,9 tỷ đồng, tăng 17,47% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 102,9 tỷ đồng, tăng 46,95% so cùng kỳ năm trước; ăn uống đạt 1.141,2 tỷ đồng, tăng 15,29% so cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần dịch vụ du lịch lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch đạt 1,8 tỷ đồng, tăng 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

Lượt khách phục vụ 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 638.334 lượt khách, tăng 47,68% so năm trước; ngày khách phục vụ ước đạt 219.921 ngày khách, tăng 36,02% so năm trước. Lượt khách du lịch theo tour ước đạt 753 lượt khách, tăng 3,6 lần so với năm trước; ngày khách theo tour đạt 993 ngày khách, tăng 3 lần so với năm trước.

4.2. Tình hình vận tải

Trong quý II/2024, taxi điện Xanh SM chính thức đi vào hoạt động phục vụ cho người dân trên địa bàn tỉnh Yên Bái, thực tế triển khai dịch vụ taxi điện thời

gian qua cho thấy những lợi thế vượt trội như không gây ô nhiễm, tiết kiệm chi phí vận hành, bảo trì, bảo dưỡng. Góp phần thay đổi diện mạo cho giao thông công cộng và góp phần vào sự phát triển kinh tế cũng như du lịch của tỉnh Yên Bái.

Dự ước doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát tháng 6/2024 đạt 202.167,1 triệu đồng, tăng 0,29% so tháng trước, tăng 21,9% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát đạt 1.192.214,5 triệu đồng, tăng 23,12% so với cùng kỳ năm trước, và tăng chủ yếu ở vận tải đường bộ. Trong đó:

Vận tải hàng hoá: Ước tính tháng 6/2024 khối lượng hàng hoá vận chuyển của toàn tỉnh (khu vực kinh tế ngoài nhà nước) bao gồm cả đường bộ và đường sông đạt: 1.358,3 nghìn tấn; 36.648,1 nghìn tấn.km; 143.882,7 triệu đồng. So với tháng trước tăng 2,34% về tấn, tăng 0,49% về tấn.km, tăng 0,33% về doanh thu; so với cùng kỳ tăng 19,84% về tấn, tăng 19,84% về tấn.km, tăng 19,36% về doanh thu. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt: 7.970,2 nghìn tấn; 218.184,7 nghìn tấn.km; 857.950,8 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 20,26% về tấn, tăng 20,94% về tấn.km, tăng 21,23% về doanh thu.

Vận tải hành khách: Ước thực hiện tháng 6/2024 đạt: 1.119,0 nghìn người; 75.611,6 nghìn người.km; 51.784,8 triệu đồng. So với tháng trước tăng 0,88% về người, tăng 0,93% về người.km, tăng 0,2% về doanh thu; so với cùng kỳ năm trước tăng 33,09% về người, tăng 32,77% về người.km, tăng 29,18% về doanh thu. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 khối lượng hành khách vận chuyển đạt: 6.256,0 nghìn người; 425.304,7 nghìn người.km; 296.684,8 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 28,83% về người, tăng 29,81% về người.km, tăng 28,06% về doanh thu.

5. Vốn đầu tư

* Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý II/2024 ước đạt 4.844.214 triệu đồng, tăng 53,74% so với quý trước, tăng 16,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Khu vực Nhà nước ước đạt 1.344.896 triệu đồng⁹, chiếm 27,76% tổng vốn, tăng 40,39% so với quý trước, tăng 16,79% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 3.331.188 triệu đồng¹⁰, chiếm 68,76% trong tổng số, tăng 60,11% so với quý trước, tăng 16,46% so với cùng kỳ năm trước.

⁹ Trong đó: (1) Vốn ngân sách nhà nước ước đạt 1.042.952 triệu đồng, chiếm 77,54% vốn nhà nước trên địa bàn, tăng 37,57% so với quý trước, tăng 20,46% so với cùng kỳ năm trước. (2) Vốn vay từ các nguồn khác ước đạt 7.559 triệu đồng, chiếm 0,56% vốn nhà nước trên địa bàn, tăng 1,2 lần so với quý trước, giảm 14,96% so với cùng kỳ năm trước. (3) Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước ước đạt 19.159 triệu đồng, chiếm 1,42%, tăng 62,19 so với quý trước, tăng 27,73% so với cùng kỳ năm trước. (4) Vốn khác ước đạt 275.226 triệu đồng, chiếm 20,46% vốn nhà nước trên địa bàn, tăng 48,74% so với quý trước, tăng 12,62% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 168.130 triệu đồng, chiếm 3,47% trong tổng số, tăng 49,5% so với quý trước, tăng 14,05% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy trong quý II/2024, công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh tiếp tục được thực hiện theo đúng quy định. Các sở, ngành, địa phương đã phối hợp với các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ công tác giải phóng mặt bằng (GPMB), công tác đấu thầu, thiết kế và thi công xây dựng công trình được giao vốn năm 2024; tập trung triển khai các công trình trọng điểm, đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt. Đồng thời rà soát tiến độ thi công, phương án thi công để điều chỉnh phù hợp và bù đắp khối lượng công việc chậm tiến độ. Việc phân cấp mạnh cho các địa phương được chủ động giao chi tiết (đặc biệt đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn; dự phòng xây dựng nông thôn mới...), qua đó đã tạo sự chủ động, rút ngắn thời gian phân bổ vốn của các địa phương. Mặt khác về cơ bản các công trình, dự án đã bám sát tiến độ được ký hợp đồng, tiến độ theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện, qua đó, tiến độ thực hiện và giải ngân của một số đơn vị đã đáp ứng yêu cầu (như: UBND huyện Yên Bình đạt 39,7%; UBND huyện Văn Yên đạt 38%); công tác quản lý chất lượng, an toàn lao động trong quá trình thi công được bảo đảm; đến thời điểm báo cáo, rất nhiều công trình, dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, bước đầu phát huy hiệu quả đầu tư. Ngoài ra, việc cân đối, bố trí và điều chỉnh, bổ sung các nguồn vốn được thực hiện kịp thời, đáp ứng nhu cầu, tiến độ thực hiện của các công trình, dự án, đặc biệt là đối với các dự án trọng điểm.

* Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt 7.995.123 triệu đồng, đạt 38,07% kế hoạch, tăng 10,18% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

Khu vực Nhà nước trên địa bàn đạt 2.302.841 triệu đồng, chiếm 28,8%, đạt 33,67% kế hoạch, tăng 7,43% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Vốn ngân sách nhà nước đạt 1.801.070 triệu đồng, chiếm 78,21%, đạt 31% kế hoạch, tăng 8,66% so với cùng kỳ; Vốn vay từ các nguồn khác đạt 10.537 triệu đồng, chiếm 0,45%, đạt 14,05% kế hoạch, giảm 3,382% so với cùng kỳ; Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước đạt 30.972 triệu đồng, chiếm 1,35%, đạt 32,6% kế hoạch, tăng 31,5% so với cùng kỳ; Vốn khác đạt 460.262 triệu đồng, chiếm 19,99%, đạt 53,46% kế hoạch, tăng 6,05% so với cùng kỳ năm trước.

Về tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công qua hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước từ đầu năm đến hết ngày 31/5/2024 đạt 1.420,6 triệu đồng,

¹⁰ Bao gồm: Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước ước đạt 1.496.545 triệu đồng, chiếm 44,92%, tăng 80,19% so với quý trước, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư của dân cư ước đạt 1.834.643 triệu đồng, chiếm 55,08%, tăng 46,78% so với quý trước, tăng 13,06% so với cùng kỳ năm trước.

đạt 27,4% kế hoạch vốn đã được phân bổ là 5.282,6 triệu đồng (cùng kỳ năm trước đạt 19,6% kế hoạch). Trong đó nguồn vốn do trung ương và địa phương quản lý lần lượt đạt 17,89% và 34,65%.

Với quan điểm tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án ngay từ những ngày, tháng đầu năm, đặc biệt là các dự án trọng điểm, dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai, dự án có mức vốn giao lớn, tỉnh Yên Bái thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình xây dựng, chậm giao nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án; Tỉnh yêu cầu thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc chậm tiến độ thực hiện và giải ngân theo kịch bản đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khẩn trương phối hợp đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục đầu tư đối với các dự án khởi công mới, dự án chuyển tiếp (chưa hoàn thành thủ tục điều chỉnh dự án) chưa được giao chi tiết kế hoạch vốn; đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; tham mưu cho UBND tỉnh thành lập tổ công tác thúc đẩy giải ngân; kiểm tra công tác giải ngân tại các Sở, ban, ngành, các địa phương và các đơn vị chủ đầu tư có kết quả giải ngân thấp, chưa đáp ứng yêu cầu.

Khu vực ngoài Nhà nước đạt 5.411.690 triệu đồng, chiếm 67,68% tổng số, đạt 40,36% kế hoạch, tăng 11,33% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 2.327.098 triệu đồng, chiếm 39,18%, đạt 39,18% kế hoạch, tăng 12,81% so với cùng kỳ; vốn đầu tư của dân cư đạt 3.084.592 triệu đồng, chiếm 60,82%, đạt 41,29% kế hoạch, tăng 10,24% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp tục khẳng định vai trò là nguồn lực quan trọng trong thu hút đầu tư tại tỉnh Yên Bái, trong 6 tháng đầu năm 2024 nhiều dự án trọng điểm của khu vực này được tập trung triển khai như: Dự án xây dựng cảng BBCIM Yên Bái do công ty cổ phần gang thép BB CIM Holdings đầu tư với tổng mức đầu tư lên tới 713 tỷ. Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Phú Thịnh 3 do Công ty cổ phần công nghiệp EUP đầu tư tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Phú Thịnh, Thịnh Hưng, huyện Yên Bình với tổng mức đầu tư 550 tỷ. Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến Quế tại Văn Yên, Yên Bái do Công ty TNHH Hương Gia Vị Sơn Hà triển khai dự án tại thôn Yên Dũng, xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái có tổng vốn đầu tư 286 tỷ đồng. Dự án xây dựng công trình thương mại tại phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - thuộc Khu đô thị mới (quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán) do Công ty cổ phần bất động sản Việt - Nhật triển khai

tại Phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với tổng vốn đầu tư lên tới 223,8 tỷ đồng. Dự án Nhà máy sản xuất và gia công giày xuất khẩu do Công ty TNHH Giày Ruian Việt Nam đầu tư tại Khu công nghiệp Minh Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái có tổng vốn đầu tư là 160 tỷ đồng. Dự án đầu tư xây dựng khu sơ chế và bãi tập kết nguyên liệu đá hoa trắng tại xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công ty TNHH đá cẩm thạch An Phú đầu tư tại Thôn Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên có tổng vốn đầu tư là 74 tỷ đồng. Dự án đầu tư đường dây và TBA 110 kV Bảo Hưng do Tổng Công ty điện lực miền Bắc đầu tư tại thôn Trục Thanh, xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái có tổng vốn đầu tư 78,1 tỷ,...

Khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 280.592 triệu đồng, chiếm 3,5%, đạt 37,41% kế hoạch, tăng 11,44% so với cùng kỳ, Quý II/2024 hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài có nhiều tín hiệu khả quan và khởi sắc so với cùng kỳ như: Dự án nhà máy sản xuất giấy Kiến Phát của Công ty cổ phần thực nghiệp Kiến Phát (MSDN: 5200905206) liên doanh với Công ty TNHH Giấy Đăng Phong (Phúc Kiến, Trung Quốc); Dự án Nhà máy sản xuất ván sàn SPC của Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Thiên Lam liên doanh Công ty Yifan Industry (Hàn Quốc) Co., limited -Tổ chức kinh tế thực hiện dự án,...

* Trong toàn bộ các ngành kinh tế, các ngành chiếm tỷ trọng đầu tư lớn trong 6 tháng đầu 2024 là: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 8,85% (chủ yếu là đầu tư cho thủy lợi); khai khoáng 9,26% (chủ yếu là khai thác đá, quặng sắt) công nghiệp chế biến, chế tạo 15,13% (chủ yếu là các dự án chế biến bột đá, hạt nhựa phụ gia, may mặc, chế biến gỗ); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí 8,76% (các dự án thủy điện); vận tải, kho bãi 13,79% (các dự án về giao thông); hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc 5,07%; giáo dục và đào tạo 4,10%; y tế và hoạt động cứu trợ xã hội 3,74%; hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình 29,2% (chủ yếu là đầu tư xây dựng nhà ở trong dân).

6. Một số vấn đề xã hội

Tình hình văn hoá - xã hội tháng 6 và 6 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh ổn định. Các công tác thăm hỏi và tặng quà các đối tượng chính sách, tổ chức đón xuân Giáp Thìn, hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Đảng CSVN (03/02/1930-03/02/2024) và ngày quốc tế phụ nữ 8/3, Các hoạt động kỷ niệm ngày giải phóng miền nam, quốc tế lao động, Chiến thắng Điện Biên Phủ, sinh nhật Bác... được tổ chức theo kế hoạch của tỉnh. Công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19 tiếp tục được các địa phương chú trọng tăng cường. Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, đời sống dân cư được duy trì.

6.1. Lao động việc làm, đảm bảo an sinh xã hội¹¹

* *Kết quả giải quyết việc làm:* Tính đến tháng 5/2024 đã giải quyết việc làm cho 10.559 lao động, đạt 52,8% kế hoạch, tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước; trong đó từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 4.634 người, vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 1.437 người, xuất khẩu lao động 165 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 4.323 người.

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 12.950 lao động, đạt 64,7% kế hoạch, tăng 25,4 % so với kịch bản tăng trưởng 06 tháng đầu năm, tăng 0,15% so với cùng kỳ năm trước.

* *Công tác quản lý Bảo hiểm thất nghiệp:* Tính đến tháng 5/2024 đã giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 1.609 người với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp là 28,59 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 23 người, với số tiền 130,5 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 1.385 người.

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024: Số người được giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 1.919 người với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp là 34,09 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 31 người, với số tiền 170 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 1.777 người.

* *Kết quả đào tạo nghề:* Tính đến tháng 5/2024 đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 8.145 người, đạt 45,3% kế hoạch, tăng 7,46% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: cao đẳng 247 người, trung cấp 389 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 7.509 người (trong đó hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 35 người).

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 9.890 người, đạt 54,9% kế hoạch, tăng 0,18% so với cùng kỳ năm trước.

** Công tác giảm nghèo:*

Kết quả triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 20/2/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng và triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2024: Đến tháng 5/2024, toàn tỉnh đã khởi công xây dựng 500/1.424 nhà ở cho người nghèo theo Đề án, đạt 35,1% Kế hoạch, dự kiến 6 tháng đầu năm 2024 sẽ khởi công xây dựng 603/1.424 nhà, đạt 42,3%.

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến tháng 6 năm 2024: Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được phân bổ chi tiết thực hiện trong năm 2024 là: 357.416,8 triệu đồng. Theo báo cáo của các đơn vị, địa phương: Kết quả giải ngân vốn ngân sách thực hiện Chương trình đến ngày 27/5/2024 là: 51.748 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 44.061 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.687 triệu đồng) đạt tỷ lệ 14,5% kế hoạch vốn đã giao chi tiết, trong đó: Vốn sách trung ương đã

¹¹ Nguồn: Báo cáo Sở Lao động-TB và XH tỉnh Yên Bái.

giải ngân 51.331 triệu đồng đạt 14,9%; vốn địa phương đã giải ngân 416,8 triệu đồng đạt 3%.

Chính sách tín dụng ưu đãi: Hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã giải ngân cho vay các Chương trình tín dụng ưu đãi đối với 10.682 hộ gia đình với tổng doanh số cho vay 594.816,9 triệu đồng. Trong đó, số khách hàng được vay các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo là 3.851 hộ với tổng số vốn cho vay là 290.590 triệu đồng.

Chính sách về bảo hiểm y tế: Toàn tỉnh đã đóng và hỗ trợ một phần kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho 386.038 đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn...với tổng số tiền 360,2 tỷ đồng. Trong đó, Quý I năm 2024 đã có 107.755 lượt người được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT với kinh phí hỗ trợ là 72,4 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ tiền điện: Các địa phương đã lập danh sách và chi trả trợ cấp tiền điện cho 22.045 hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí 3,6 tỷ đồng.

** Công tác bảo trợ xã hội:*

Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng: Ước đến tháng 6/2024, toàn tỉnh có 31.051 đối tượng bảo trợ xã hội đang được hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng; 100% đối tượng BTXH được cấp thẻ BHYT theo quy định. Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng trong 5 tháng trên 82,7 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là 99,24 tỷ đồng.

Trợ giúp tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội: Thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, an toàn 148 đối tượng, trong đó: Người cao tuổi: 35 cụ; trẻ em có HCĐB: 58 cháu; người khuyết tật: 24 người; đối tượng tự nguyện: 31 người.

Hỗ trợ khẩn cấp: Đến tháng 6 năm 2024 toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ khẩn cấp cho 26 cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại về người và nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn rủi ro bất khả kháng và vụ tai nạn lao động tại Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái với tổng kinh phí 604 triệu đồng.

Hỗ trợ gạo cứu đói: Dịp Tết Nguyên đán hỗ trợ 854 hộ với 2.736 khẩu, với tổng số gạo hỗ trợ là 41.050 kg; Dịp giáp hạt đầu năm 2024 có 521 hộ với 1.604 khẩu thiếu đói, với tổng số gạo hỗ trợ là 24.060 kg. Các địa phương trong tỉnh đã sử dụng nguồn lực tại chỗ hỗ trợ để đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Kết quả thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội: Đến tháng 5/2024, toàn tỉnh có 8.952/30.969 đối tượng bảo trợ xã hội có tài khoản và đã tiến hành chi trả không dùng tiền mặt qua tài khoản cho 8.305 đối tượng, đạt 26,8% với kinh phí chi trả là 4,53 tỷ đồng; ước thực hiện 6 tháng đầu

năm sẽ chi trả cho 10.030/31.051, đạt 32,3%. Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ 02 nhóm TTHC liên thông hỗ trợ chi phí mai táng: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý từ đầu năm 2024 là 110 hồ sơ.

** Công tác thăm hỏi tặng quà trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024:*

Quà tặng đối với người cao tuổi: 12.638 suất, kinh phí thực hiện 7.290 triệu đồng. Quà tặng hộ nghèo, hộ tự nguyện thoát nghèo tiêu biểu: Số lượng 23.669 suất, kinh phí thực hiện 12.490 triệu đồng. Quà tặng các đối tượng bảo trợ xã hội: Số lượng 2.275 suất, kinh phí thực hiện 1.148,9 triệu đồng từ nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã và các nguồn xã hội hóa. Quà tặng các đối tượng khác: Số lượng 3.677 suất, kinh phí thực hiện 2.234,75 triệu đồng.

6.2. Giáo dục¹²

* Trong tháng 6, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương; tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh trong kỳ nghỉ hè 2024. Các cơ sở giáo dục cấp THCS tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS thi vào THPT để đảm bảo quyền lợi, mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh; đặc biệt ưu tiên nguồn tuyển vào học THPT đảm bảo tỷ lệ đạt tối thiểu 60% số học sinh tốt nghiệp năm 2024. Sau khi công bố kết quả trúng tuyển đối với các trường THPT, các nhà trường tiếp tục tuyên truyền, vận động học sinh đăng ký học tập tại các trường nghề, các trung tâm GDNN, GDTX trong và ngoài tỉnh, nhằm đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng phổ cập và chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt chương trình ghi hình “Mái ấm gia đình Việt” tổ chức tại trường THPT Lý Thường Kiệt tạo động lực hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập (*ghi hình trong 03 ngày 07,08,09 tháng 6: tỉnh Yên Bái có 06 học sinh được chương trình ghi hình và hỗ trợ kinh phí, hiện vật gần 300 triệu đồng*). Hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh và Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã, huyện, tỉnh. Thẩm định, phê duyệt kết quả hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023-2024 đối với 1.302 người (*95 cán bộ quản lý, 1.207 giáo viên*) thuộc các trường THPT, trường THCS&THPT, Trung tâm GDTX tỉnh, trung tâm GDNN-GDTX, trường trung cấp. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Tổ chức Room to Read ký thỏa thuận hợp tác thực hiện

¹² Nguồn: Báo cáo Sở Giáo dục tỉnh Yên Bái

Chương trình Thư viện thân thiện trường tiểu học tại tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2024- 2027 đối với 07 trường tiểu học thuộc 02 huyện Yên Bình, Văn Yên. Phối hợp với Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội tổ chức các lớp bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh sử dụng sách giáo khoa lớp 5, năm học 2024-2025 cho 205 giáo viên dạy Tiếng anh cấp tiểu học; đồng thời tổ chức tập huấn bồi dưỡng sử dụng các bộ sách thuộc các môn lớp 5, lớp 9 cho 100% CBQL, Giáo viên cấp tiểu học, cấp THCS trên địa bàn tỉnh.

Tính đến tháng 6/2024, toàn tỉnh có 342 trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia (*tỷ lệ 77,4%*) đạt 100,59% so với kế hoạch giao. Trong đó, số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 92 trường (*tỷ lệ 20,8% tổng số trường*). So với tháng 5 và quý I, tăng 4 trường, so với năm 2023 tăng 12 trường đạt chuẩn quốc gia.

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 100% kế hoạch giao.

Phổ cập giáo dục tiểu học (*mức độ 1, 2, 3*): 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 100% kế hoạch giao.

Phổ cập giáo dục trung học cơ sở (*mức độ 1,2*): 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 100% kế hoạch giao. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: 114/115 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 99,1% kế hoạch giao.

Về thực hiện các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ: Tỉnh Yên Bái tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và xoá mù chữ mức độ 1, cụ thể: Về tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ: 26,9% (*thấp hơn chỉ tiêu Nghị quyết 01/NQ-CP là 5,6%*); Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo: 96,9% (*vượt 3,4% so với chỉ tiêu Nghị quyết 01/NQ-CP*); Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (*đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết*); đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 (*đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết*); phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 (*đạt 2/9 huyện, thị, thành phố, đạt 22,2%*). Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 là 97,1% (*thấp hơn chỉ tiêu Nghị quyết 01/NQ-CP là 1,8%*).

Trong 6 tháng đầu năm 2024, ngành chức năng đã bám sát chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh Yên Bái để chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, nhiệm vụ chuyên môn của ngành, tiêu biểu như: (1) Tham gia và đạt 01 giải nhì, 01 giải ba trong cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” cấp quốc gia lần thứ VI năm 2024; (2) Tham gia Hội khoẻ phù đổng toàn quốc lần thứ X năm 2024, khu vực 1 tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đảm bảo an toàn tuyệt đối, xếp thứ 8 trong tổng số 13 đơn vị tham gia với 22 huy chương; (3) 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh hoàn thành kế hoạch thời gian

năm học theo đúng tinh thần tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND; (4) Hoàn thành công tác lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho năm học 2024-2025; (5) Chuẩn bị chu đáo, đảm bảo các điều kiện tổ chức tốt cho 02 kỳ thi trong năm 2024 diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, được các cấp và nhân dân dân ghi nhận, đánh giá cao; (6) hoàn thành ½ chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh giao (*chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia về đích trước 06 tháng, vượt 02 trường, tỷ lệ 0,59% kế hoạch giao*).

6.3. Hoạt động văn hóa, thể thao¹³

Hoạt động văn hóa: Văn hoá cơ sở trong tháng đã tổ chức hướng dẫn hoạt động cho 08 câu lạc bộ nghệ thuật quần chúng do đơn vị quản lý. Trang trí sân khấu, băng rôn, khẩu hiệu; phối hợp tổ chức Liên hoan Tuyên truyền lưu động tỉnh Yên Bái lần thứ XIV, năm 2024. Tổ chức đợt Tuyên truyền lưu động phục vụ nhân dân các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, biên tập 03 nội dung tuyên truyền xe loa, trong đó có nội dung tuyên truyền kỷ niệm 79 năm Ngày thành lập Đảng bộ Yên Bái. Phối hợp với Đoàn Nghệ thuật dân tộc tham gia dàn dựng và biểu diễn các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Tổ chức 03 tổ lưu động đi chiếu phim phục vụ nhân dân các xã Lâm Giang, Lăng Thíp, Châu Quế Thượng, An Bình thuộc huyện Văn Yên; Nậm Có, Cao Phạ, Dế Xu Phình, Phúng Luông thuộc huyện Mù Cang Chải; Minh Tiến, Vĩnh Lạc, Mường Lai, Yên Phú thuộc huyện Lục Yên. Lòng tiếng song ngữ Việt - Mông gửi cơ sở. Nghệ thuật biểu diễn: Chủ trì xây dựng chương trình nghệ thuật, biểu diễn tại Lễ kỷ niệm 45 năm Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái. Biểu diễn Khai mạc Hội thi gia đình tỉnh Yên Bái năm 2024. Phối hợp đơn vị sự kiện tham gia các nội dung trong chương trình tại Lễ công bố huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới và quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Quốc gia Hồ Thác Bà. Xây dựng chương trình, chuẩn bị các nội dung tham gia “Ngày hội gia đình Việt Nam năm 2024” tại thành phố Hải Phòng. Tổ chức đợt biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân huyện Trấn Yên theo chỉ tiêu giao năm 2024. Xây dựng chương trình, tổ chức biểu diễn nghệ thuật kỷ niệm 79 năm, ngày thành lập Đảng bộ Yên Bái (30/6/1945 – 30/6/2024).

Lũy kế 6 tháng: Tổ chức biểu diễn 33 buổi nghệ thuật chuyên nghiệp, trong đó vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số 15 buổi (đạt 25%KH), ước số lượt người xem 29.500 lượt; In sao, pho to 02 chương trình; hướng dẫn hoạt động câu lạc bộ 215 buổi (đạt 61,4%KH). Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, với 130 số học viên tham gia (đạt 50%KH). Xây dựng bài tuyên truyền xe loa 09 bài (đạt 52,9%KH); Số buổi Tuyên truyền lưu động 22 buổi; Số buổi chiếu phim 122 buổi, trong đó vùng cao 105 buổi, Rạp 17 buổi. Lòng 06 số phim song ngữ Việt – Mông.

¹³ Nguồn: Báo cáo Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Yên Bái.

Hoạt động bảo tàng: Trong tháng đón trên 1.500 khách tham quan, trong đó có 60 khách quốc tế; Triển khai sưu tầm bổ sung kho cơ sở và tổ chức quản lý 07 hiện vật. Bảo quản phòng ngừa 300 hiện vật nhóm chất liệu vải. Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái xây dựng đề cương, thiết kế makét trưng bày chào mừng Đại hội Thi đua Quyết thắng Lực lượng vũ trang tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019 - 2024. Tổ chức trưng bày chuyên đề “Ngày hội gia đình Việt Nam” tại thành phố Hải Phòng. Trưng bày chuyên đề: “Đảng bộ và Nhân dân Yên Bái - Những mốc son Lịch sử”, kỷ niệm 79 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Yên Bái (30/6/1945 - 30/6/2024). Thường xuyên đảm bảo an ninh cơ quan, an toàn kho tàng hiện vật và phòng chống cháy nổ tổ chức vệ sinh khuôn viên Bảo tàng.

Lũy kế 6 tháng đón hơn 44.222 khách du lịch đến tham quan và trải nghiệm, đạt 123% KH (trong đó có 235 khách quốc tế, đạt 157% KH); Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu, thám sát khảo cổ 01 đợt, đạt 100% KH; Bảo quản phòng ngừa 600 hiện vật, đạt 66,6% KH; Bảo quản trị liệu, hiện vật 63 hiện vật, đạt 100% KH; Quản lý hiện vật: 55 hiện vật, đạt 55% KH; Sưu tầm hiện vật: 55 hiện vật, đạt 55% KH; Nghiên cứu xây dựng nội dung trưng bày 06 cuộc, đạt 85,7% KH; Tổng số hiện vật có trong bảo tàng: 25.125 hiện vật.

Hoạt động thư viện: Xử lý kỹ thuật tài liệu: 0 tên tài liệu (lũy kế 5 tháng 685 tài liệu, đạt 24,2% kế hoạch giao). Xây dựng cơ sở dữ liệu số: 2.671 trang tài liệu (lũy kế 6 tháng 23.906 trang tài liệu, đạt 58,2% kế hoạch giao), trong đó: Thực hiện số hóa 2.194 trang tài liệu, sưu tầm 477 trang tài liệu. Xây dựng bộ máy tra cứu: 652 đơn vị tài liệu (lũy kế 6 tháng 3.037 tài liệu, đạt 17,8% kế hoạch giao). Cung cấp thông tin, tài liệu tại thư viện và phục vụ bạn đọc ngoài thư viện: 18.692 thẻ/tài liệu (lũy kế 6 tháng 117.110 tài liệu, đạt 58,7% kế hoạch giao). Bảo quản, sưu tầm, phục chế tài nguyên thông tin thư viện: 0 tài liệu (lũy kế 6 tháng 351.918 tài liệu, đạt 117,1% kế hoạch giao). Biên soạn thư mục, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách, báo, tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ chính trị: 22 thư mục/tài liệu (lũy kế 6 tháng 105 tài liệu, đạt 75% kế hoạch giao). Hoạt động của xe thư viện lưu động: Đi phục vụ tại cơ sở 16 buổi (lũy kế 6 tháng 88 buổi, đạt 61% kế hoạch giao). Số lượt bạn đọc được phục vụ là 3.000 lượt (lũy kế 6 tháng 29.000 lượt). Số lượt sách luân chuyển là 5.000 lượt (lũy kế 6 tháng 55.048 tài liệu, đạt 68,7% kế hoạch giao). Tuyên truyền 8 chuyên đề sách. Viết tin, bài giới thiệu, quảng bá nguồn lực thông tin và các hoạt động của thư viện; tuyên truyền trực quan tại thư viện, trên xe thư viện lưu động và trên Website, Fanpage... của Thư viện tỉnh Yên Bái, gồm: Trưng bày sách theo 13 chuyên đề; Giới thiệu sách 12 bài; bài viết 06 bài.

Hoạt động thể dục, thể thao

Về công tác xây dựng phong trào, cơ sở: Trong tháng tham gia giảng dạy lớp “phòng chống đuối nước và kỹ năng sống cho đối tượng THPT” năm 2024 (Từ ngày 10-11/6/2024 tại Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Yên Bái).

Cử 01 cán bộ tham gia lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về hướng dẫn tập luyện thể dục thể thao cho cán bộ, công tác viên trong các khối cơ quan, doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu dân cư năm 2024, tại tỉnh Quảng Ninh. Đăng ký 02 cán bộ tham gia lớp tập huấn luật thi đấu môn Pickleball toàn quốc năm 2024 và giới thiệu, hướng dẫn môn Pickleball.

Công tác đào tạo bồi dưỡng, tổ chức thi đấu, tham gia giải thể thao phong trào toàn quốc: Tiến hành đôn đốc lực lượng vận động viên và xây dựng Kế hoạch tổ chức 01 giải gồm: giải Cầu lông, Bóng bàn gia đình tỉnh Yên Bái năm 2024. Tiến hành kiểm tra đánh giá mức độ tập luyện của vận động viên năng khiếu môn Đẩy gậy trong 6 tháng đầu năm 2024 và tiếp tục lên lớp tập luyện 10 em năng khiếu môn Đẩy gậy tại xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái. Tham gia thi đấu giải Bóng đá U11 toàn quốc Cúp Nestlé Milo 2024 vòng loại, bảng I tại tỉnh Bắc Giang với thành phần 3 huấn luyện viên và 15 em vận động viên (*thời gian từ ngày 05-17/6/2024*). Xây dựng Kế hoạch tuyển chọn, tập huấn và tham gia thi đấu Giải Bơi cứu đuối Thanh thiếu nhi “Đường đua xanh” toàn quốc năm 2024 tại tỉnh Thanh Hóa. (với 01 huấn luyện viên và 07 em vận động viên (*thời gian tập huấn từ ngày 17/6-23/6/2024; Thi đấu từ 24/6 đến ngày 03/7/2024*)). Tham gia 04 giải phong trào toàn quốc: Tổng số huy chương đạt được tính đến ngày 25/5: 04 huy chương (trong đó: 02 HCV; 01 HCB; 01 HCD), (đạt 26,7% KH).

Về thể thao thành tích cao: Tập huấn và thi đấu 05 giải: (1) Giải Vô địch Vovinam miền Bắc từ 25-31/5/2024 tại Nam Định, đạt 11 huy chương; trong đó 7HCV, 1HCB, 3HCD; (2) Vô địch Đá cầu bãi biển toàn quốc từ 31/5-10/6/2024 tại Nghệ An. Đạt 7 huy chương; trong đó 01HCV, 6HCD; (3) Giải Vô địch trẻ võ Cổ truyền quốc gia lần thứ XXV từ ngày 5-17/6/2024 tại Sóc Trăng. Đạt 04 huy chương; trong đó 01HCV, 01HCB, 02HCD; (4) Giải Vô địch Trẻ Vovinam từ 15-25/6/2024 tại Thanh Hóa; (5) Giải Vô địch Điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia năm 2024 tập huấn từ ngày 8/6-22/6/2024, tham gia thi đấu từ ngày 24/6-6/7/2024. Yên Bái thường xuyên duy trì đào tạo 140 vận động viên ở 03 tuyến (50 VĐV tuyến tỉnh, 60 VĐV tuyến trẻ, 30 VĐV năng khiếu) của 10 môn, gồm: Bóng rổ, Bóng ném, Cầu mây, Đá cầu, Võ vovinam, Võ cổ truyền, Cử tạ, Điền kinh, Đua thuyền và Đẩy gậy. Tính đến ngày 17/6/2024, đã tham gia thi đấu 10 giải toàn quốc đạt 33 huy chương các loại; trong đó 09 huy chương Vàng, 05 huy chương Bạc, 19 huy chương Đồng (đạt 78,6% KH).

6.4. Tình hình dịch bệnh và công tác khám chữa bệnh¹⁴

Tình hình dịch bệnh: Trong tháng sáu tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, không phát hiện ca bệnh/ổ dịch nguy hiểm: cúm A(H7N9), A(H5N1), tả...

¹⁴ Nguồn: Báo cáo Sở Y tế tỉnh Yên Bái.

Bệnh truyền nhiễm nhóm B: Ghi nhận 01 ổ dịch Thủy đậu tại thành phố Yên Bái với 4 ca mắc. Ghi nhận 01 ca tử vong do Đại tại huyện Lục Yên. Ghi nhận 01 ca Ho gà tại huyện Yên Bình; 02 ca liên cầu lợn (Thành phố Yên Bái 01 ca, Văn Chấn 01 ca); 02 ca Viêm não Nhật Bản (Trần Yên 01 ca; Văn Yên 01 ca). Tất cả các ca bệnh phát sinh đều được điều tra, giám sát và xử lý kịp thời; hiện tình trạng các ca bệnh ổn định, không có tử vong.

Bệnh truyền nhiễm có số mắc tăng so với tháng trước: cúm (377/291), số tiêm phòng đại (403/374), viêm não Nhật Bản (2/0), bệnh dại (1/0), bệnh liên cầu lợn ở người (2/0); bệnh truyền nhiễm có số mắc giảm so với tháng trước: tay chân miệng (19/31), quai bị (21/40), viêm gan vi rút (17/20), thủy đậu (73/105), tiêu chảy (179/181), adeno vi rút (136/143),...

Hoạt động tiêm chủng

Biểu 04: Kết quả tiêm chủng

		Tháng 6 (%)	6 Tháng 6 (%)	So với tháng trước (%)	So với KH (%)	So với cùng kỳ 2023 (%)
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	13,8	39,8	2,3	40,4	-2,9
2	Tỷ lệ tiêm phòng viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đầu tại bệnh viện	96,9	80,8	-0,1	89,7	-15,4
3	Tỷ lệ tiêm phòng lao tại bệnh viện/TTYT	94,1	71,0	0,9	88,8	-3,9
4	Tỷ lệ phụ nữ có thai tiêm phòng uốn ván mũi 2 trở lên	7,8	42,0	0,6	43,3	-3,0
5	Tỷ lệ tiêm phòng sởi - Rubella (cho trẻ 18 tháng tuổi)	11,0	44,6	2,5	46,9	-9,1
6	Tỷ lệ tiêm phòng bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT mũi 4 cho trẻ 18 tháng tuổi)	8,0	48,2	-1,4	50,7	7,8
7	Tỷ lệ tiêm viêm não Nhật Bản mũi 3	8,5	50,8	-1,2	53,4	1,8

Tiêm chủng vắc xin COVID-19: Trong tháng thực hiện tiêm 582 liều vắc xin Pfizer cho 523 người, Lũy tích tiêm cho 4.366 người từ 12 tuổi trở lên.

Phòng chống HIV/AIDS, lao:

Hoạt động phòng chống HIV/AIDS: Số HIV mới phát hiện trong tháng: 07 (lũy tích: 4.053 người), số mắc bệnh AIDS trong tháng: 0 (lũy tích: 2.511); số tử vong do AIDS trong tháng: 0 (lũy tích: 2.228), số người nhiễm HIV hiện đang quản lý 1.765 người.

Điều trị ARV: 1.723 (21 trẻ em). Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho 01 trường hợp. Duy trì tư vấn, xét nghiệm HIV tại phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện. Truyền thông thay đổi hành vi phòng, chống HIV/AIDS. Tiếp tục triển khai các hoạt động Dự án AHF, Dự án Quỹ toàn cầu.

Hoạt động phòng chống Lao: Xây dựng kế hoạch phòng chống lao cho nhân viên y tế thôn bản huyện Văn Yên. Tổ chức khám sàng lọc cho 1.030 người, Số phát hiện lao thu nhận vào điều trị là 25, Số phát hiện có bằng chứng vi khuẩn học: 21.

An toàn vệ sinh thực phẩm: Trong tháng tiếp tục kiểm tra liên ngành việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm trong "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2024 tỉnh Yên Bái. Tổng số cơ sở được kiểm tra là 31 cơ sở, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm 06 cơ sở. Tổ chức 01 lớp tập huấn cho 30 học viên cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước đá dùng liền trong địa bàn tỉnh.

Trong tháng không ghi nhận trường hợp ngộ độc thực phẩm, lũy tích 06 tháng có 02 vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

Công tác khám chữa bệnh:

Y học hiện đại: Tổng số lượt khám chữa bệnh trong tháng là 163.460 lượt (lũy tích 795.350 lượt), tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2023 (154.493 lượt). Số lượt điều trị nội trú là 14.296 lượt (lũy tích 77.067 lượt), tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2023 (12.985 lượt).

Biểu 05: kết quả khám chữa bệnh y học hiện đại

	Tháng 6	6 tháng	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ 2023 (%)
1 Tổng số lượt khám chữa bệnh	163.460	795.350	+17,3	+5,8
Trong đó: Khám tại cơ sở y tế	117.735	650.750	+9,3	+9,9
2 Số lượt khám y học cổ truyền và y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại	23.761	132.961	+14,1	+23,8
3 Số lượt khám trẻ em dưới 5 tuổi	12.860	75.060	-0,9	-1,5
4 Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	14.296	77.067	+4,4	+10,1
5 Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	28.890	157.705	+11,7	+22,0
6 Tổng số ngày điều trị nội trú	86.697	478.003	+3,1	+7,5
7 Công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch	103,9	95,0	+6,3	+5,5
8 Số lần phẫu thuật	1.833	9.379	+12,7	+5,0
9 Tổng số lần xét nghiệm	264.132	1.378.765	+10,7	19,0

	Tháng 6	6 tháng	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ 2023 (%)
10 Tổng số lần siêu âm	29.218	151.179	-14,8	23,0
11 Tổng số lần chụp X - quang	25.152	134.100	+6,2	29,3
12 Tổng số lần chụp CT - scanner	1.494	10.921	-26,5	-23,7
13 Tổng số lần chụp MRI	712	2.160	+92,4	↑↑
14 Tổng số tai nạn thương tích vào viện	1.306	7.089	+11,2	5,8

Y học cổ truyền: Tổng số lượt khám y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại toàn tỉnh là 23.761 lượt (lũy tích 132.961 lượt), tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2023 (19.193 lượt), trong đó tỷ lệ khám y học cổ truyền so với tổng số lượt khám chữa bệnh là 14,5%, tăng 2,1% cùng kỳ năm 2023 (12,4%).

6.5. Về an toàn giao thông¹⁵

Tính từ 15/5/2024 đến 14/6/2024, xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông (09 đường bộ), giảm 03 vụ so với cùng kỳ; làm 03 người chết, giảm 02 người so cùng kỳ; làm 08 người bị thương, giảm 07 người so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng toàn tỉnh đã xảy ra 84 vụ tai nạn giao thông làm 35 người chết, 80 người bị thương; so với cùng kỳ số vụ tăng 24 vụ, số người chết tăng 05 người, số người bị thương tăng 29 người.

Tóm lại, Tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2024 tuy gặp không ít khó khăn, song hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tiếp tục có bước phát triển nhiều chỉ tiêu có mức tăng khá so cùng kỳ (GRDP theo giá so sánh 2010 tăng 5,36%; Sản lượng ngô vụ đông xuân tăng 0,51%; Sản lượng khoai lang tăng 1,75%; Sản lượng rau các loại tăng 2,24%; Sản lượng quả thu hoạch tăng 3,31%; Sản lượng chè búp tăng 1,95%; Sản lượng thị hơi xuất chuồng đàn gia súc chính tăng 5,80%; sản lượng lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia cầm tăng 3,09%; Cây trồng phân tán tăng 5,1%; Sản lượng củi khai thác tăng 12,01%; Tổng sản lượng thủy sản tăng 3,92%; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,23%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9,97%; Doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát tăng 23,12%; Tổng vốn đầu tư thực hiện tăng 10,18%...), đời sống dân cư được quan tâm kịp thời. An ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, do chỉ số sản xuất ngành khai thác quặng kim loại, Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, Sản xuất trang phục, Sản xuất kim loại giảm làm ảnh hưởng đến chỉ số IIP trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục khắc phục khó khăn và phát huy những kết quả đạt được, thời gian tới các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh cần chú trọng những nội dung chủ yếu sau:

¹⁵ Nguồn: Ban an toàn giao thông tỉnh Yên Bái.

Thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Chương trình hành động số 188-CTr/TU ngày 25/11/2023 của Tỉnh ủy Yên Bái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024; Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tranh thủ thời tiết thu hoạch lúa Đông Xuân và thu hoạch các cây trồng vụ Xuân khác để giải phóng đất cho sản xuất vụ Mùa. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, bảo vệ tốt diện tích chè, cây ăn quả, cây dâu hiện có và thực hiện tốt các biện pháp làm đất, chuẩn bị cây giống để trồng mới trong vụ Mùa đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao, nhất là các vùng chuyên canh, tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Hướng dẫn bà con nông dân diệt trừ chuột, phòng trừ kịp thời sâu bệnh cây lúa như: bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, ruồi đục nõn, tập đoàn rầy. Chủ động trong công tác phòng chống dịch trên đàn gia súc, gia cầm, trong đó đặc biệt lưu ý đến dịch tả lợn Châu phi đang diễn biến phức tạp tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Chú trọng công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng mùa khô hanh. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng năm 2024. Tăng diện tích rừng có chứng chỉ FSC để nâng giá trị của rừng trồng. Chủ động phòng chống thiên tai, giảm tối thiểu thiệt hại khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn.

Đề sản xuất công nghiệp của tỉnh đạt mức tăng ổn định ở các tháng tiếp theo các ngành, các cấp liên quan có biện pháp thiết thực, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp về nguồn vốn, hỗ trợ trong xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm sản xuất; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thu hút đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án: Khai thác chế biến đá vôi trắng, chế biến gỗ chất lượng cao, sản xuất một số sản phẩm mới (sản xuất tơ tằm, viên nén), các dự án thủy điện, điện mặt trời,... để nhanh chóng hoàn thành đi vào sản xuất,... Đẩy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư mặt bằng, hạ tầng các Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để thu hút đầu tư sản xuất.

Đảm bảo hoàn thành tiến độ triển khai thực hiện, tiến độ giải ngân các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo đúng kịch bản đã phê duyệt.

Khai thác tiềm năng và lợi thế về cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc, nhiều chủ thể trên địa bàn tỉnh Yên Bái đã và đang tập trung xây dựng, phát triển các sản phẩm OCOP nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch văn hóa. Định hướng phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị nhằm kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử. Tăng cường kiểm tra, xử lý hàng hóa nhập lậu,

hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa không bảo đảm an toàn thực phẩm và nhất là các vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử, hàng hóa gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp.

Cục Thống kê tỉnh Yên Bái trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, ngành trong Quy chế phối hợp;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Hà